

Số: /KH-UBND

Quý Lộc, ngày 21 tháng 8 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số trên địa bàn xã Quý Lộc giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045

Thực hiện Kế hoạch số 282/KH-UBND ngày 04/08/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa về triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045;

Căn cứ Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 02/3/2026 của UBND xã Quý Lộc về chuyển đổi số xã Quý Lộc giai đoạn 2026 - 2030; Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 04/4/2026 về thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 29/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch số 130/KH-UBND ngày 22/7/2026 về thực hiện Chương trình hành động số 29-CTr/TU ngày 29/6/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh;

Ủy ban nhân dân xã Quý Lộc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số trên địa bàn xã giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045, với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa kịp thời, đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số và Kế hoạch của UBND tỉnh, phù hợp với điều kiện thực tế của xã Quý Lộc; bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm, sản phẩm và kết quả cụ thể.

- Đẩy mạnh xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số và xã hội số; đưa hoạt động chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc và cung cấp dịch vụ công lên môi trường số an toàn, dựa trên dữ liệu; nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Kế thừa, đồng bộ các kế hoạch chuyển đổi số xã đã ban hành trong năm 2026; khai thác hiệu quả hạ tầng, nền tảng số dùng chung của tỉnh, hạn chế đầu tư trùng lặp, phân tán.

2. Yêu cầu

- Bám sát mục tiêu, chỉ tiêu và nhóm nhiệm vụ của tỉnh; xác định rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, tiến độ, sản phẩm đầu ra và trách nhiệm của người đứng đầu.

- Chuyển đổi số gắn với cải cách hành chính, Đề án 06, bảo đảm an toàn

thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bí mật nhà nước; dữ liệu được quản lý theo nguyên tắc “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”.

- Ưu tiên sử dụng nền tảng, phần mềm dùng chung do Trung ương và tỉnh triển khai; việc đầu tư, mua sắm chỉ thực hiện khi thật sự cần thiết, đúng tiêu chuẩn kỹ thuật và khả năng cân đối ngân sách.

- Tăng cường sự tham gia của MTTQ, các đoàn thể, doanh nghiệp, tổ công nghệ số cộng đồng và Nhân dân; chú trọng hỗ trợ nhóm yếu thế, người cao tuổi, người ít có điều kiện tiếp cận công nghệ.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Xây dựng chính quyền xã hoạt động ngày càng minh bạch, hiệu quả, dựa trên dữ liệu; 100% cán bộ, công chức sử dụng thường xuyên các hệ thống thông tin, nền tảng số được giao; nâng cao tỷ lệ xử lý hồ sơ, văn bản và thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Phát triển hạ tầng số đồng bộ, ổn định; mở rộng vùng phủ 5G, băng rộng cáp quang, hạ tầng kết nối tại trụ sở cơ quan, trường học, trạm y tế, khu dân cư và các điểm công cộng phù hợp.

- Thúc đẩy người dân, hộ kinh doanh, hợp tác xã và doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số, thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt; mở rộng kỹ năng số, dịch vụ số thiết yếu và văn hóa số an toàn.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu

Các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2026 - 2030 được xác định tại Phụ lục I kèm theo Kế hoạch này. Hằng năm, căn cứ chỉ tiêu tỉnh giao, kết quả thực hiện và điều kiện thực tế, UBND xã rà soát, điều chỉnh mức phấn đấu phù hợp nhưng không thấp hơn yêu cầu tối thiểu của cấp trên.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện cơ chế, quy chế và nâng cao hiệu lực quản trị số

- Rà soát, cập nhật quy chế quản lý, vận hành, khai thác các hệ thống thông tin, nền tảng số, thư điện tử công vụ, chữ ký số, dữ liệu số, phòng họp trực tuyến, phòng họp không giấy và quy trình xử lý hồ sơ điện tử.

- Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử có ký số; lập hồ sơ công việc điện tử và thực hiện lưu trữ theo quy định.

- Rà soát vị trí việc làm, phân công cán bộ đầu mối/kiêm nhiệm công nghệ thông tin, chuyển đổi số; đưa kết quả thực hiện chuyển đổi số vào đánh giá trách nhiệm, thi đua hằng năm của cơ quan, đơn vị và người đứng đầu.

2. Phát triển hạ tầng số

- Phối hợp doanh nghiệp viễn thông rà soát chất lượng phủ sóng 4G/5G, Internet băng rộng; đề xuất bổ sung trạm, nâng cấp đường truyền tại khu vực tín

hiệu yếu, trường học, trạm y tế, điểm sinh hoạt cộng đồng và khu vực tập trung đông người.

- Hằng năm rà soát, nâng cấp máy tính, thiết bị mạng, thiết bị ký số, máy quét, thiết bị hội nghị trực tuyến và hệ thống mạng nội bộ của UBND xã, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả; khai thác hiệu quả Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

- Khuyến khích triển khai Wi-Fi công cộng tại một số điểm phù hợp; nghiên cứu tích hợp cảm biến/IoT trong các công trình, hạ tầng thiết yếu khi có dự án đầu tư và đủ điều kiện kỹ thuật, kinh phí.

3. Phát triển dữ liệu số, nền tảng số và chính quyền số

- Tổ chức tạo lập, số hóa, chuẩn hóa và cập nhật dữ liệu thuộc các lĩnh vực hộ tịch, đất đai, giáo dục, y tế, văn hóa, an sinh xã hội và các lĩnh vực khác theo hướng dẫn chuyên ngành; bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống”.

- Duy trì sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc, thư điện tử công vụ, chữ ký số, họp trực tuyến, phòng họp không giấy và các nền tảng dùng chung của tỉnh; hạn chế tối đa trao đổi công việc chính thức qua nền tảng không được phép.

- Tập trung số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; khai thác dữ liệu đã có để giảm thành phần hồ sơ, giảm việc người dân phải khai báo lại thông tin; thúc đẩy dịch vụ công trực tuyến toàn trình và thanh toán trực tuyến.

- Từng bước ứng dụng AI trong tổng hợp, tra cứu, hỗ trợ soạn thảo, phân tích dữ liệu, trợ lý công vụ và hỗ trợ người dân thực hiện thủ tục; bảo đảm kiểm soát đầu ra, bảo mật dữ liệu và trách nhiệm của cán bộ sử dụng.

- Cung cấp, cập nhật dữ liệu phục vụ Trung tâm IOC, kho dữ liệu dùng chung và các hệ thống của tỉnh theo yêu cầu; phối hợp kết nối, chia sẻ dữ liệu đúng thẩm quyền.

4. Phát triển kinh tế số

- Phối hợp hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh đánh giá mức độ chuyển đổi số, lựa chọn nền tảng phù hợp; khuyến khích sử dụng hóa đơn điện tử, hợp đồng điện tử, chữ ký số, phần mềm quản trị, kế toán và các giải pháp AI phù hợp.

- Hỗ trợ đưa sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và sản phẩm đặc trưng của địa phương lên các sàn thương mại điện tử, kênh bán hàng số; tăng cường kỹ năng bán hàng, quảng bá, truy xuất nguồn gốc và thanh toán số.

- Khuyến khích ứng dụng số trong nông nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch văn hóa - tâm linh; từng bước phát triển bản đồ số, mã QR, nội dung số giới thiệu điểm đến, di tích và sản phẩm địa phương.

5. Phát triển xã hội số, công dân số và kỹ năng số

- Tiếp tục triển khai thực chất phong trào “Bình dân học vụ số”; duy trì, kiện

toàn và nâng cao hiệu quả Tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn; hướng dẫn người dân sử dụng VNeID, ứng dụng số Thanh Hóa, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán điện tử, sức khỏe điện tử và các tiện ích số thiết yếu.

- Tổ chức/đề nghị tổ chức tập huấn kỹ năng số, kỹ năng sử dụng AI, an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, giáo viên, đoàn viên, hội viên, doanh nghiệp, hộ kinh doanh và người dân; ưu tiên hướng dẫn trực tiếp cho người cao tuổi và nhóm còn hạn chế kỹ năng số.

- Phát triển các kênh tương tác trực tuyến, tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân; tăng cường thông tin chính thống trên Trang thông tin điện tử xã, hệ thống truyền thanh và các kênh số phù hợp.

6. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu

- Thực hiện đầy đủ các yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống thông tin, quản lý tài khoản, mật khẩu, thiết bị đầu cuối, chữ ký số; sao lưu dữ liệu, cập nhật bản vá, phần mềm bảo vệ và xử lý sự cố theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

- Phối hợp Công an xã tuyên truyền, cảnh báo lừa đảo trực tuyến, tội phạm công nghệ cao; hướng dẫn cán bộ và Nhân dân kỹ năng bảo vệ tài khoản, dữ liệu cá nhân, nhận diện thông tin giả và các nguy cơ trên không gian mạng.

- Khi xảy ra sự cố, thực hiện báo cáo, cô lập, khắc phục và phối hợp cơ quan chuyên môn theo quy trình; không tự ý công khai dữ liệu cá nhân, dữ liệu mật hoặc thông tin chưa được phép chia sẻ.

7. Truyền thông và huy động nguồn lực

- Tuyên truyền thường xuyên về mục tiêu, lợi ích, kết quả chuyển đổi số; biểu dương mô hình, cách làm hiệu quả; gắn chuyển đổi số với cải cách hành chính, phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới.

- Huy động nguồn lực xã hội hóa, doanh nghiệp viễn thông - công nghệ, các tổ chức, cá nhân hỗ trợ thiết bị, tập huấn, nền tảng và hoạt động chuyển đổi số theo đúng quy định; không huy động trái quy định hoặc tạo gánh nặng cho Nhân dân.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện từ ngân sách nhà nước theo phân cấp, nguồn kinh phí được cấp có thẩm quyền giao, nguồn lồng ghép từ các chương trình, đề án, dự án có liên quan và các nguồn hợp pháp khác.

- Hằng năm, các bộ phận, đơn vị căn cứ nhiệm vụ được giao lập dự toán, đề xuất nhu cầu kinh phí gửi Phòng Kinh tế tổng hợp, tham mưu UBND xã xem xét theo khả năng cân đối ngân sách và quy định hiện hành.

- Khuyến khích thuê dịch vụ công nghệ thông tin, sử dụng nền tảng dùng chung và huy động xã hội hóa phù hợp nhằm tiết kiệm chi phí, tránh đầu tư trùng lặp.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội

- Là đầu mối tham mưu UBND xã tổ chức triển khai Kế hoạch; theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả chuyển đổi số trên địa bàn; tham mưu công tác tuyên truyền, kỹ năng số, xã hội số, giáo dục, y tế, văn hóa, du lịch số và hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng.

- Phối hợp các cơ quan chuyên môn của tỉnh cập nhật chỉ tiêu, hướng dẫn nghiệp vụ; tổng hợp báo cáo 6 tháng, năm và đột xuất. Tham mưu UBND xã gửi báo cáo trước ngày 10/6 và 10/12 hằng năm hoặc theo thời hạn cấp trên yêu cầu.

2. Văn phòng HĐND và UBND xã

- Chủ trì duy trì việc gửi, nhận văn bản điện tử, hồ sơ công việc điện tử, thư điện tử công vụ, chữ ký số, phòng họp trực tuyến và phòng họp không giấy; phối hợp kiểm tra việc chấp hành quy trình xử lý văn bản trên môi trường số.

3. Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả

- Tổ chức tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên hệ thống; thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả, tái sử dụng dữ liệu, thanh toán trực tuyến; hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến và nâng cao mức độ hài lòng.

4. Phòng Kinh tế

- Tham mưu nguồn lực, dự toán và đầu tư hạ tầng số thuộc thẩm quyền; phối hợp thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, nông nghiệp, thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt; lồng ghép mục tiêu chuyển đổi số vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

5. Công an xã

- Chủ trì, phối hợp triển khai Đề án 06, định danh và xác thực điện tử, VNeID; tham mưu bảo đảm an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao và tuyên truyền kỹ năng an toàn trên không gian mạng.

6. Trung tâm Cung ứng dịch vụ công; các trường học; Trạm Y tế

- Theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức ứng dụng các nền tảng số chuyên ngành; số hóa, cập nhật dữ liệu; tăng cường tuyên truyền, giáo dục kỹ năng số; phối hợp thực hiện các chỉ tiêu về y tế số, giáo dục số, văn hóa số và thông tin cơ sở.

7. Ủy ban MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội và các thôn

- Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia chuyển đổi số; phối hợp Tổ công nghệ số cộng đồng hỗ trợ cài đặt, sử dụng các ứng dụng, dịch vụ số; phản ánh khó khăn, nhu cầu để UBND xã kịp thời xử lý.

8. Chế độ kiểm tra, báo cáo

- Các cơ quan, đơn vị, bộ phận được giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch chi

tiết hằng năm (trước ngày 05/12 năm trước hoặc theo yêu cầu của UBND xã), xác định rõ tiến độ, sản phẩm và người chịu trách nhiệm.

- Định kỳ 6 tháng và hằng năm, gửi kết quả về Phòng Văn hóa - Xã hội để tổng hợp; trường hợp nhiệm vụ chậm tiến độ hoặc phát sinh khó khăn, vướng mắc phải báo cáo kịp thời, nêu rõ nguyên nhân và đề xuất giải pháp.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số trên địa bàn xã Quý Lộc giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045. Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, các thôn nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở KHCN (để b/c);
- TTr: Đảng ủy, HĐND xã (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Ủy ban MTTQ xã và các tổ chức CT-XH;
- Các phòng, đơn vị, trường học, Trạm Y tế;
- Công an xã; các thôn;
- Lưu: VT, VHXXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thọ Chân

Phụ lục I
CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /8/2026 của UBND xã Quý Lộc)

STT	Nội dung chỉ tiêu	ĐVT	2026	2027	2028	2029	2030	Đơn vị theo đôi/chủ trì
I	Phát triển hạ tầng số							
1	Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn xã	%	≥80	90	95	100	100	Phòng VH-XH
2	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang	%	80	80	80	80	100	Phòng VH-XH
II	Phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu quả hoạt động							
3	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa	%	100	100	100	100	100	Trung tâm PVHCC
4	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng khi sử dụng DVCTT	%	≥95	≥99	≥99	≥99	≥99	Trung tâm PVHCC
5	Tỷ lệ nền tảng số dùng chung theo yêu cầu được đưa vào sử dụng thống nhất	%	100	100	100	100	100	Phòng VH-XH/Văn phòng
6	Tỷ lệ hệ thống/dữ liệu thuộc phạm vi xã được kết nối, chia sẻ theo yêu cầu	%	80	85	90	95	100	Phòng VH-XH
7	Tỷ lệ dữ liệu thuộc phạm vi quản lý được chuẩn hóa, cập nhật, sẵn sàng khai thác	%	80	85	90	95	100	Các phòng, đơn vị
8	Tỷ lệ CBCCVC trong cơ quan, đơn vị có hồ sơ điện tử theo quy định	%	90	95	100	100	100	Phòng VH-XH/Văn phòng

STT	Nội dung chỉ tiêu	ĐVT	2026	2027	2028	2029	2030	Đơn vị theo đối/chủ trì
9	Tỷ lệ CBCCVC được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng số	%	100	100	100	100	100	Phòng VH-XH
10	Tỷ lệ cán bộ đầu mối CNTT/chuyển đổi số được đào tạo, bồi dưỡng	%	50	70	100	100	100	Phòng VH-XH
11	Tỷ lệ CBCCVC có tài khoản và được đào tạo sử dụng nền tảng trợ lý AI công vụ	%	80	90	100	100	100	Phòng VH-XH/Văn phòng
III	Phát triển kinh tế số							
12	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa được tiếp cận/hỗ trợ chuyển đổi số	%	40	45	50	55	60	Phòng Kinh tế
13	Tỷ lệ doanh nghiệp/hộ kinh doanh được tuyên truyền, hỗ trợ ứng dụng thương mại điện tử, thanh toán số	%	≥60	≥70	≥80	≥90	100	Phòng Kinh tế
IV	Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số							
14	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi đủ điều kiện trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán	%	80	85	90	95	95	Phòng Kinh tế
15	Tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số/chữ ký điện tử cá nhân	%	50	55	60	65	>70	Phòng VH-XH
16	Tỷ lệ người dân được lập sổ sức khỏe điện tử	%		95	95	95	100	Trạm Y tế
17	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản	%	70	>70	75	80	80	Phòng VH-XH

STT	Nội dung chỉ tiêu	ĐVT	2026	2027	2028	2029	2030	Đơn vị theo đối/chủ trì
18	Tỷ lệ người dân trưởng thành đủ điều kiện được cài đặt Ứng dụng số Thanh Hóa	%	80	95	100	100	100	Phòng VH-XH/Tổ CNSCĐ

Phụ lục II
DANH MỤC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Kế hoạch số/KH-UBND ngày /8/2026 của UBND xã Quý Lộc)

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/kết quả	Thời gian
I	Hoàn thiện thể chế, quản trị số				
1	Rà soát, cập nhật quy chế quản lý, vận hành và sử dụng các hệ thống, nền tảng số; quy trình xử lý văn bản, hồ sơ điện tử, chữ ký số.	Phòng VH-XH/Văn phòng	Các phòng, đơn vị	Quy chế/quy trình được cập nhật, áp dụng	Thường xuyên
2	Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ; lập và lưu trữ hồ sơ công việc điện tử.	Văn phòng HĐND&UBND	Các phòng, đơn vị	Quy trình nghiệp vụ, hồ sơ điện tử	2026-2030
3	Rà soát, bố trí cán bộ đầu mối CNTT/chuyển đổi số; cập nhật yêu cầu kỹ năng số gắn vị trí việc làm.	Phòng VH-XH	Văn phòng, các đơn vị	Phân công đầu mối; kế hoạch bồi dưỡng	Thường xuyên
II	Phát triển hạ tầng số				
4	Rà soát vùng phủ 4G/5G, băng rộng; phối hợp doanh nghiệp viễn thông xử lý điểm lõm sóng, nâng chất lượng kết nối.	Phòng VH-XH	Doanh nghiệp viễn thông, các thôn	Báo cáo rà soát; vùng phủ được cải thiện	2026-2030
5	Rà soát, bổ sung, nâng cấp máy tính, thiết bị mạng, ký số, máy quét, hội nghị trực tuyến, mạng nội bộ và đường truyền chuyên dùng.	Văn phòng/Phòng Kinh tế	Phòng VH-XH, Trung tâm PVHCC	Hạ tầng, thiết bị đáp ứng công việc số	Hằng năm
III	Phát triển dữ liệu số, nền tảng số, chính quyền số				
6	Số hóa, chuẩn hóa, làm sạch, cập nhật dữ liệu các lĩnh vực; cung cấp dữ liệu theo yêu cầu của tỉnh.	Các phòng, đơn vị	Phòng VH-XH, Công an xã	Dữ liệu đúng, đủ, sạch, sống; báo cáo cập nhật	Thường xuyên
7	Duy trì 100% xử lý văn bản/hồ sơ công việc trên hệ thống; sử dụng thư công vụ, chữ ký số, họp trực tuyến, phòng họp không giấy.	Văn phòng HĐND&UBND	Các phòng, đơn vị	Hệ thống được sử dụng thường xuyên	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/kết quả	Thời gian
8	Số hóa hồ sơ, kết quả TTHC; tái sử dụng dữ liệu, thúc đẩy DVCTT toàn trình, thanh toán trực tuyến.	Trung tâm PVHCC	Các phòng, Công an xã	Hồ sơ số; tỷ lệ DVCTT và thanh toán số duy trì cao	Thường xuyên
9	Thí điểm/ứng dụng trợ lý AI công vụ, AI hỗ trợ tra cứu, tổng hợp và xử lý nghiệp vụ phù hợp.	Phòng VH-XH/Văn phòng	Các phòng, đơn vị	Cán bộ được cấp tài khoản, tập huấn và sử dụng	2026-2030
IV	Phát triển kinh tế số				
10	Hỗ trợ doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh ứng dụng nền tảng số, chữ ký số, hóa đơn điện tử, phần mềm quản trị, AI.	Phòng Kinh tế	Phòng VH-XH, doanh nghiệp công nghệ	Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh ứng dụng số tăng hằng năm	2026-2030
11	Hỗ trợ sản phẩm OCOP, nông sản và sản phẩm địa phương lên sàn/kênh thương mại điện tử; truy xuất nguồn gốc, thanh toán số.	Phòng Kinh tế	Các thôn, HTX, hộ kinh doanh	Sản phẩm/kênh bán hàng số; kỹ năng TMĐT	2026-2030
12	Phát triển nội dung số, bản đồ số, mã QR và sản phẩm số phục vụ du lịch văn hóa - tâm linh, quảng bá địa phương.	Phòng VH-XH	Trung tâm CƯĐVC, Phòng Kinh tế	Nội dung số, mã QR/bản đồ số theo điều kiện	2026-2030
V	Phát triển xã hội số, kỹ năng số, công dân số				
13	Triển khai thực chất phong trào “Bình dân học vụ số”; duy trì, nâng cao hiệu quả Tổ công nghệ số cộng đồng.	Phòng VH-XH	MTTQ, đoàn thể, các thôn	Lớp/hướng dẫn kỹ năng số; báo cáo hoạt động Tổ CNSCĐ	Thường xuyên
14	Hướng dẫn người dân sử dụng VNeID, ứng dụng số Thanh Hóa, chữ ký số cá nhân, sổ sức khỏe điện tử, dịch vụ công và thanh toán số.	Phòng VH-XH/Công an xã	Trạm Y tế, Trung tâm PVHCC, các thôn	Tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ số tăng	Thường xuyên
15	Tăng cường truyền thông số; vận hành Trang thông tin điện tử xã và hệ thống truyền thanh cơ sở phục vụ chuyển đổi số.	Trung tâm CƯĐVC	Phòng VH-XH, các đơn vị	Tin, bài, chuyên mục, sản phẩm truyền thông số	Thường xuyên
VI	Bảo đảm an toàn, an ninh mạng				

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/kết quả	Thời gian
16	Rà soát tài khoản, mật khẩu, thiết bị; triển khai bảo vệ dữ liệu cá nhân, sao lưu, cập nhật phần mềm và xử lý sự cố.	Công an xã/Văn phòng	Phòng VH-XH, các đơn vị	Biện pháp an toàn được duy trì; sự cố được xử lý đúng quy trình	Thường xuyên
17	Tuyên truyền, cảnh báo lừa đảo trực tuyến, tội phạm công nghệ cao, kỹ năng an toàn số cho cán bộ và Nhân dân.	Công an xã	Phòng VH-XH, MTTQ, các thôn	Tin cảnh báo, buổi tuyên truyền, tài liệu hướng dẫn	Thường xuyên
VII	Kiểm tra, giám sát, báo cáo				
18	Theo dõi tiến độ chỉ tiêu, nhiệm vụ; kiểm tra, đánh giá, sơ kết 6 tháng, tổng kết năm và đề xuất điều chỉnh.	Phòng VH-XH	Các phòng, đơn vị	Báo cáo 6 tháng, năm; danh mục nhiệm vụ chậm và giải pháp	Hằng năm